

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA NGHIÊN CỨU SO SÁNH ĐỐI CHIẾU ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG NGÔN NGỮ HỌC HIỆN NAY

TRẦN THANH DŨ *

Tóm tắt: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu đã từ lâu được xem là một trong những ngành học quan trọng của ngôn ngữ học, ở phạm vi nghiên cứu ứng dụng lý thuyết và cả phạm vi nghiên cứu ứng dụng thực hành ngôn ngữ. Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu thời gian qua cho thấy nhận thức về lĩnh vực này của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ, cũng như của nhiều người học tập ngoại ngữ vẫn còn nhiều hạn chế. Trên cơ sở phân tích tài liệu, bài viết này cung cấp những thông tin khái quát nhất để qua đó giúp chúng ta có nhận thức sâu sắc hơn về các khuynh hướng so sánh trong ngôn ngữ học và vị trí, vai trò của so sánh đối chiếu đối với đời sống ngôn ngữ học hiện nay.

Từ khóa: Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, vai trò, vị trí.

Abstract: Comparative-contrastive linguistics has long been considered as an important field of linguistic studies, both in terms of theoretical and practical applications. Unfortunately, it has been shown that the roles of this field are not fully recognized by various linguists and language students as well. On the basis of document analysis, this paper draws our attention to this field of study, giving us a deeper insight into different areas of comparative-contrastive analysis and their roles in linguistic studies of the present time.

Keywords: Comparative-contrastive linguistics, roles, situations.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu (NNHSSDC) xuất hiện từ khoảng cuối thế kỷ XIX. Sự hình thành và phát triển của ngành học này như một phân ngành của ngôn ngữ học có những tiền đề lý luận nhất định của nó. Có ý kiến cho rằng, nghiên cứu so sánh đối chiếu (SSDC) là một bộ phận của các phân ngành nghiên cứu ngôn ngữ học đã có trong lịch sử, có mối quan hệ qua lại với những phân ngành nghiên cứu ngôn ngữ học khác. SSDC lúc thì được xem là một bộ phận của ngôn ngữ học so sánh lịch sử, lúc thì được xem là một bộ phận của ngữ vực học và có khả năng nhiều hơn cả khi nó được xem là một bộ phận của loại hình học ngôn ngữ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở miêu tả, phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan đến ngôn ngữ học, các khuynh hướng so sánh trong ngôn ngữ học để từ đó nêu bật vị trí, vai trò của SSDC đối với nghiên cứu ngôn ngữ học hiện nay.

* TS - Trường Đại học Thủ Dầu Một; Email: dustranthanhbmc@yahoo.com

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Thao tác so sánh, các khuynh hướng so sánh và vị trí của so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ học

Ngôn ngữ học có thể được phân thành ba ngành chính: ngôn ngữ học miêu tả, ngôn ngữ học so sánh và ngôn ngữ học lý luận. NNHSSĐC là một trong những phân ngành của ngôn ngữ học so sánh. Cơ sở lý thuyết chung của ngành học này gắn liền với các lý thuyết về so sánh được áp dụng trong ngôn ngữ học.

3.1.1. Thao tác so sánh

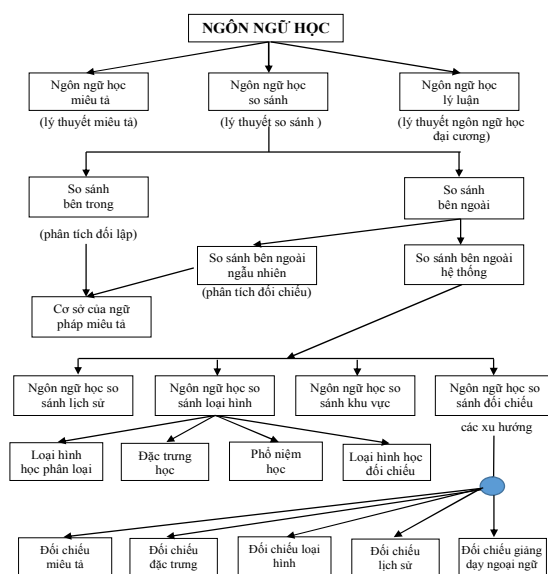
So sánh là thao tác tư duy nhằm giúp con người nhận thức hiện thực khách quan. So sánh là “nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc hơn kém” [2, tr.861]. Nói cụ thể hơn, hoạt động so sánh là hoạt động đối chiếu “một cái này” với “một cái khác” nhằm vạch ra những thuộc tính về lượng và về chất của đối tượng; nhận thức, phân loại, sắp xếp và đánh giá nội dung các sự kiện của hiện thực khách quan; để trên cơ sở đó tìm ra mối quan hệ và liên hệ giữa chúng.

So sánh được xem như là một thủ pháp nghiên cứu phổ quát. Trong ngôn ngữ học, so sánh được xem là một thủ pháp phân tích, hay nói rộng hơn là một phương pháp nghiên cứu các tài liệu ngôn ngữ.

3.1.2. Các khuynh hướng so sánh và vị trí của so sánh đối chiếu trong ngôn ngữ học

Trên lý thuyết so sánh chung, các phân ngành nhỏ của ngôn ngữ học so sánh được xác lập theo các kiểu phân tích so sánh khác nhau. Trong đó, có hai hướng so sánh chủ yếu: (1) so sánh bên trong; và (2) so sánh bên ngoài (xem Sơ đồ 1).

(1) *So sánh bên trong*: so sánh các đơn vị, các phạm trù thuộc những cấp độ, những



Sơ đồ 1. Sơ đồ phân giới bên ngoài của ngôn ngữ học [1, tr.23]

bình diện khác nhau của hệ thống (cấu trúc ngôn ngữ), nhưng chỉ trong phạm vi một ngôn ngữ.

(2) *So sánh bên ngoài*: so sánh giữa các ngôn ngữ, giả định ít nhất là hai (hoặc hơn hai) ngôn ngữ. Hướng so sánh này tương đối đa dạng hơn nhưng nhìn chung thì có thể được phân thành hai tiểu loại cơ bản: (i) *So sánh không hệ thống, ngẫu nhiên*; và (ii) *So sánh hệ thống*,

(i) *So sánh không hệ thống, ngẫu nhiên*: so sánh giữa các ngôn ngữ chỉ nhằm vào mục đích xác định (thừa nhận hay phủ định) một đặc điểm hay một vài đặc điểm nào đó trong một ngôn ngữ. Kiểu so sánh này mang tính ngẫu nhiên, bất chợt của chủ quan nhà nghiên cứu.

(ii) *So sánh hệ thống*: so sánh đồng loạt, có trình tự giữa các ngôn ngữ, các hiện tượng, yếu tố, đơn vị ngôn ngữ,... ở tất cả các bình diện, cấp độ khác nhau. So sánh hệ thống liên quan đến các ngành ngôn ngữ học khác nhau như: Ngôn ngữ học so sánh - lịch sử; Ngôn ngữ học so sánh - loại hình (Loại hình học);

Ngôn ngữ học khu vực (Ngữ vực học);
Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.

Ngôn ngữ học so sánh - lịch sử: hướng nghiên cứu này có lịch sử lâu dài và vị trí to lớn trong lịch sử ngôn ngữ học. Nhiệm vụ của ngành học này là nghiên cứu tìm ra những điểm giống nhau trên những hiện tượng khác nhau, những nét tương đồng lịch sử; tìm ra những điểm tương đồng và dị biệt giữa các ngôn ngữ nhằm phát hiện ra các quy luật biến đổi của những ngôn ngữ có mối quan hệ họ hàng, xác định nguồn gốc, vạch ra quá trình phát triển lịch sử của chúng, xác định sự thân thuộc, mức độ thân thuộc giữa các ngôn ngữ này, phục nguyên lại ngôn ngữ gốc, nghĩa là xác định các hình thái nguyên sơ và ngôn ngữ nguyên sơ, định niên đại chia tách các ngôn ngữ có quan hệ thân thuộc họ hàng. Những công hiến to lớn của “hình cây ngữ hệ”, các bảng phân định dòng họ, nguồn gốc ngôn ngữ, các xác lập các ngôn ngữ mẹ, ngôn ngữ tiền thân,... là kết quả của hướng nghiên cứu này.

Ngôn ngữ học so sánh - loại hình (Loại hình học): hướng nghiên cứu này chú ý nghiên cứu một số lượng lớn hoặc tất cả các ngôn ngữ, có nhiệm vụ phát hiện ra những đặc điểm cấu trúc và phân loại các ngôn ngữ theo loại hình cấu trúc ngôn ngữ, những nét đặc trưng trong mỗi ngôn ngữ, sắp xếp những đặc điểm trong mối quan hệ tôn ti với nhau và tổng kết thành quy luật cấu trúc ngôn ngữ, đối chiếu các ngôn ngữ với nhau và hệ thống hóa, tổng kết các đặc trưng cơ bản nhất của ngôn ngữ. Như vậy, một trong những nhiệm vụ chính của phân ngành này là tìm ra những đặc điểm (những yếu tố, những mối quan hệ) có tầm phổ quát lớn trong ngôn ngữ loài người - những phổ niệm và từ đó góp phần xây dựng lý luận của Ngôn ngữ học đại cương. Loại hình học có thể được phân thành:

+ *Loại hình học phân loại*: phân ngành này nghiên cứu so sánh các ngôn ngữ trên thế giới, tìm ra những ngôn ngữ, nhóm ngôn ngữ,... với mục đích phân loại chúng thành những kiểu ngôn ngữ nhất định. Trong quá trình nghiên cứu còn phát hiện những điểm khác nhau về đặc tính loại hình, do vậy nghiên cứu hình học phân loại hướng đến cả sự giống và khác nhau giữa các ngôn ngữ.

+ *Đặc trưng học (Ngữ trung học)*: phân ngành này tập trung vào những nét riêng và sự khác nhau của từng ngôn ngữ, nhằm nêu bật đặc trưng của chúng ở mọi bình diện, mọi cấp độ của hệ thống - cấu trúc ngôn ngữ bằng cách đối chiếu trình tự cơ cấu của ngôn ngữ này với cơ cấu của ngôn ngữ khác. Chẳng hạn, khi so sánh tiếng Việt với các ngôn ngữ như tiếng Anh, tiếng Nga thì tiếng Việt có đặc trưng riêng đó là thanh điệu.

+ *Phổ niệm ngôn ngữ học*: phân ngành này đi tìm những nét chung nhất, có tính phổ biến nhất, không phải của một nhóm ngôn ngữ, một vài ngôn ngữ cụ thể nào đó mà là của tất cả các ngôn ngữ trên thế giới.

+ *Loại hình học so sánh (Loại hình học đối chiếu)*: phân ngành này làm việc trên nhiều ngôn ngữ, bất kể chúng là những ngôn ngữ có quan hệ thân thuộc họ hàng hay không nhằm tìm ra những ngôn ngữ, các nhóm ngôn ngữ với mục đích phân loại chúng thành những kiểu ngôn ngữ nhất định: ngôn ngữ biến hình, ngôn ngữ chấp dính, ngôn ngữ hỗn nhập, ngôn ngữ đơn lập (không biến hình),... Với một số đối tượng, việc so sánh (thông thường là 2, đôi khi là 3 ngôn ngữ) nhằm xác định đặc tính loại hình của từng ngôn ngữ, phát hiện các đặc điểm cấu trúc của các ngôn ngữ ấy.

Ngôn ngữ học khu vực (Ngữ vực học): theo hướng nghiên cứu này, các ngôn ngữ

được đem ra so sánh chỉ ở trong phạm vi một khu vực địa lý nào đó, nhằm tìm kiếm những nét chung của các ngôn ngữ khu vực, xác định xu hướng đồng quy giữa các ngôn ngữ ấy trong quá trình hình thành liên minh ngôn ngữ,... Ngôn ngữ học khu vực gần gũi với Ngôn ngữ học so sánh - lịch sử ở thuộc tính lịch sử, tức là ở cách nghiên cứu lịch đại đối với các hiện tượng ngôn ngữ. Song cái khác cơ bản là Ngữ vực học không có nhiệm vụ xác định sự gần gũi, sự giống nhau giữa các ngữ hệ mà là sự gần gũi, giống nhau do kết quả của quá trình tiếp xúc văn hóa, lịch sử, địa lý, lãnh thổ,... mang lại. Hay nói cách khác, Ngữ vực học xác lập những nét giống nhau, các giao thoa pha trộn của hai hay một số ngôn ngữ trong khu vực, có thể những ngôn ngữ này không có quan hệ họ hàng, nhưng lịch sử, văn hóa lại có những nét chung. Các ngôn ngữ này có thể thiết lập thành những “liên minh ngôn ngữ” (đồng quy ngôn ngữ, giao thoa ngôn ngữ) thường biểu hiện có một số yếu tố chung về vốn từ vựng, hệ thống thành ngữ, hệ thống biến cách, hệ thống âm vị, nguyên âm, phụ âm,... Chẳng hạn, các ngôn ngữ vùng Ban Căng (tiếng Hy Lạp, Bungary, Rumani,...) giao thoa với các ngôn ngữ Đông Nam Á (tiếng Thái, Lào,...) tạo thành “Liên minh ngôn ngữ Đông Nam Á” gắn với nền văn minh lúa nước.

Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu: hướng nghiên cứu này hình thành trong trào lưu nghiên cứu so sánh chung, hình thành một cách trực tiếp trong tiến trình tìm tòi của con người để nắm ngoại ngữ một cách nhanh hơn, tốt hơn. NNHSSĐC bao quát một lúc nhiều ngôn ngữ, bất luận ngôn ngữ đó cùng hay khác loại hình và ngữ hệ. Nhà ngôn ngữ học Pháp Di Pietro trong quyển *Language Structures in Contrast (Cấu trúc ngôn ngữ qua đối chiếu)* [4] cho rằng:

“Ngôn ngữ học đối chiếu ra đời từ kinh nghiệm dạy tiếng”. Ở thời kỳ đầu, NNHSSĐC tập trung nghiên cứu những cái khác biệt nhằm phục vụ hữu hiệu cho công việc dạy và học ngoại ngữ. Khi đó, các nhà nghiên cứu chỉ chú trọng vào đối chiếu cái khác biệt để tìm lỗi và tránh lỗi trong công việc dạy và học ngoại ngữ. Lado chỉ ra: “Những yếu tố ngoại ngữ giống tiếng mẹ đẻ sẽ học được một cách dễ dàng, còn những yếu tố khác biệt thì sẽ khó khăn hơn. Vì vậy cần thiết phải tìm ra cái khác biệt” [5]. Mục đích của nghiên cứu SSĐC hiện nay không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng yêu cầu cho thực tiễn dạy tiếng và học tiếng mà còn đang vươn đến giải đáp thỏa mãn các yêu cầu lý luận ngôn ngữ học đang đặt ra như: xây dựng lý luận ngôn ngữ đại cương, xác lập phổ quát ngôn ngữ loài người, xây dựng ngữ pháp phổ quát,... Lê Quang Thiêm khẳng định: “...Muốn nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ có kết quả thế nào cũng phải đặt cơ sở trên những cái giống nhau nhất định vốn ít nhiều không thể không có giữa các ngôn ngữ, dù các ngôn ngữ đó là hết sức khác...”; và “Phương pháp làm việc không thể chỉ xác định cái khác nhau mà bỏ qua cái giống nhau. Vì vậy việc hướng vào cái khác nhau trong nghiên cứu đối chiếu chỉ là một mặt, một phạm vi mà thôi” [3]. Tùy loại cấu trúc ngôn ngữ nhất định mà người nghiên cứu có thể tách một bậc nào đó thành bộ phận nào đó nhỏ hơn, chẳng hạn: bậc ngữ âm - âm vị học, bậc từ vựng - ngữ nghĩa, bậc hình thái học hoặc bậc cú pháp.

3.2. Tác dụng của nghiên cứu so sánh đối chiếu đối với đời sống ngôn ngữ học hiện nay

Theo Nguyễn Văn Chiến [1], mục đích của SSĐC các ngôn ngữ mang lại nhiều tác dụng và có thể chia ra làm hai phạm vi: lý

thuyết và thực hành. Những phạm vi tác dụng này được thể hiện cụ thể trong mối quan hệ với những ngành khoa học ngôn ngữ khác nhau.

Trước hết, SSĐC các ngôn ngữ có quan hệ trực tiếp với Loại hình học. Mục đích là nhằm phát hiện ra những đặc điểm loại hình ngôn ngữ, xác định các kiểu ngôn ngữ theo những quy luật nhất định. Đối với lĩnh vực này, nghiên cứu đối chiếu sẽ cung cấp và bổ sung cho Loại hình học nhiều tư liệu và những phát hiện cụ thể về cấu trúc và hoạt động của các ngôn ngữ cùng và khác loại hình; nhấn mạnh sự định hướng nghiên cứu nhiều hơn vào mối quan hệ giữa nội dung và hình thức biểu đạt của ngôn ngữ, đặc biệt là con đường nghiên cứu hai chiều: từ nội dung đến hình thức biểu đạt, và ngược lại, từ hình thức biểu đạt đến nội dung; chú ý đến các hiện tượng, các quá trình xuyên cấp độ và các đặc điểm chức năng, hoạt động lời nói; góp phần phát hiện các phổ quát ngôn ngữ, xây dựng ngữ pháp phổ quát quy nạp.

Thứ hai, SSĐC các ngôn ngữ có quan hệ chủ yếu với Ngôn ngữ học tâm lý. Theo Sapir [6] và Whorf [7], các ngôn ngữ đã chia cắt thế giới một cách khác nhau do những người nói các thứ tiếng khác nhau đã nhận thức thế giới không giống nhau; chính vì vậy, ngôn ngữ có ảnh hưởng đến tư duy và hành vi con người. Theo Weisgerber [8], mỗi một dân tộc đều có tư duy riêng và cấu trúc ngôn ngữ ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách nhìn nhận thế giới của các cá nhân và xã hội. Lý thuyết của Sapir, Whorf và Weisgerber đã bị phê phán bởi các nhà ngôn ngữ học Xô Viết (cũ) vì họ cho rằng: Những khác nhau về ngôn ngữ không ngăn cản các dân tộc khác nhau nhận thức giống hết nhau về tất cả những gì thuộc thế giới khách quan. Ngôn ngữ, thật ra, có ảnh

hưởng đến sự phát triển của tư duy con người, đến nhận thức và văn hóa dân tộc, nhưng những ảnh hưởng này không đáng kể và không có ý nghĩa quyết định. Chính nền sản xuất vật chất mới là nhân tố quyết định; do đó khi so sánh đối chiếu các ngôn ngữ, không tuyệt đối hóa quá mức ngôn ngữ tự nhiên và những ảnh hưởng của ngôn ngữ đến tư duy con người, đến những hoạt động nhận thức và văn hóa, mà phải xem xét chúng ở chừng mực nhất định, có giới hạn. Ngôn ngữ học tâm lý quan tâm nhiều đến quá trình tạo mã ngoại ngữ ở người học, từ đó giúp ích rất nhiều cho việc nâng cao hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ. Quá trình tạo mã này, rõ ràng, cần đến tài liệu nghiên cứu đối chiếu. Trong giảng dạy, giáo viên cần chú ý cung cấp những đặc điểm tương đồng và dị biệt giữa ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ cho người học.

Thứ ba, SSĐC các ngôn ngữ có quan hệ tác động qua lại với lý luận và thực tiễn dịch thuật bởi công việc phiên dịch luôn phải làm việc với hai ngôn ngữ. Lý thuyết phiên dịch được xây dựng nhờ vào việc so sánh đối chiếu các ngôn ngữ để chỉ ra cái chung về mặt nội dung. Khi đối chiếu các ngôn ngữ theo mục đích phiên dịch cần chú ý đến ‘tư cách’ của các ngôn ngữ trong hoạt động đối chiếu cụ thể. Toàn bộ công việc đối chiếu thực chất là miêu tả hệ thống ngôn ngữ khởi phát theo những thuật ngữ của hệ thống ngôn ngữ phiên dịch. Lý luận phiên dịch là một cơ chế độc lập và trong quan hệ với nghiên cứu đối chiếu, xét từ nhiều mặt, nó là một bộ phận chịu sự tác động trực tiếp của ngôn ngữ học đối chiếu, và ngược lại, về phần mình bằng thực tiễn dịch thuật, phiên dịch cũng cung cấp tài liệu cần thiết cho nghiên cứu đối chiếu [3, tr.72]. Kết quả của quá trình nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ sẽ cung cấp cơ sở lý thuyết

giúp cho việc phiên dịch có thể thực hiện được tốt hơn; và ngược lại, kết quả của việc dịch cũng là phương tiện giúp cho công việc đối chiếu các ngôn ngữ.

Thứ tư, SSĐC các ngôn ngữ có mối liên hệ và vị trí quan trọng trong việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ. Mỗi người dạy và học ngoại ngữ đều dễ dàng nhận ra một điều là trong nhiều trường hợp, tiếng mẹ đẻ đã cản trở không nhỏ việc hiểu và nắm thuần thục ngoại ngữ; và khi đó, việc tích lũy những tri thức và kinh nghiệm sẽ giúp chúng ta khắc phục một cách có hiệu quả khó khăn này. Nghiên cứu đối chiếu không chỉ giúp cho việc dạy và học ngoại ngữ tốt hơn mà còn giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn tiếng mẹ đẻ, vì nó giúp ta thâm nhập sâu hơn vào bản chất và cấu trúc ngôn ngữ dân tộc. Trong quá trình học ngoại ngữ, những thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ đã ảnh hưởng không nhỏ đến ngoại ngữ. Sự ảnh hưởng này có hai khía cạnh: tác động tích cực và tác động tiêu cực. Tác động tích cực là ảnh hưởng có lợi của tiếng mẹ đẻ đối với việc tiếp cận và học tập một ngoại ngữ (còn gọi là hiện tượng chuyển di ngôn ngữ (language transfer)). Tác động tiêu cực là những thói quen sử dụng tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ đã được học gây cản trở cho việc nắm bắt những thói quen mới trong một ngoại ngữ đang học (còn gọi là hiện tượng giao thoa ngôn ngữ (language interference)).

Trong thực tế, ranh giới giữa tác động tích cực và tiêu cực nhiều khi rất tế nhị. Khi các thói quen trong học tập ngoại ngữ A và B tương tự nhau, dễ xuất hiện hiện tượng chuyển di. Khi các thói quen ấy chỉ giống nhau bộ phận, từng phần một hoặc giống nhau trên đại thể mà phân biệt ở chi tiết, thì dễ nảy sinh giao thoa. Chính ranh giới không rạch ròi giữa các tác động này đã

làm nên sự mơ hồ trong cơ cấu giao thoa ngôn ngữ. Đây chính là những gì mà người học ngoại ngữ gặp khó khăn khi thâm nhập vào một hệ thống mã ngôn ngữ xa lạ. Để phát huy tác dụng trong việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ, nghiên cứu đối chiếu phải làm rõ bản chất, cơ chế của hiện tượng giao thoa, vạch ra nguồn gốc của những hiện tượng giao thoa giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ. Sau đây là một số quan điểm về giao thoa phổ biến giữa các ngôn ngữ:

(i) *Quan điểm tâm lý học - ngôn ngữ*: giao thoa là tác động tiêu cực của thói quen này đối với một thói quen khác có thể xảy ra trong học tập ngoại ngữ thông qua hành vi, thái độ,... có tính chất tâm lý học. Thái độ đối với ngoại ngữ đang nói là một vấn đề quan trọng. Khi phải chấp nhận nói một ngoại ngữ, thì bản thân người nói phải “khuôn mình” vào những quy tắc xã hội và văn hóa nhất định. Họ có thể có những phản ứng khác nhau về sự gò bó buộc phải tuân theo.

(ii) *Quan điểm ngôn ngữ học*: giao thoa là sự vận dụng các yếu tố của một thứ tiếng khi nói hoặc viết một thứ tiếng khác. Đây là tai nạn của tính song ngữ do sự tiếp xúc giữa hai thứ tiếng khác nhau. Sự tiếp xúc này đối với các dân tộc cùng cư trú trên một khu vực địa lý, hoặc đối với những người học ngoại ngữ.

(iii) *Quan điểm sự phạm học - sinh ngữ*: giao thoa là một loại đặc biệt mà người học ngoại ngữ mắc phải do thói quen hoặc do ảnh hưởng tự nhiên của những mô hình cấu trúc tiếng mẹ đẻ. Đó là quá trình áp đặt tự nhiên một yếu tố nào đó của tiếng mẹ đẻ vào ngoại ngữ, làm cho những sự kiện ngoại ngữ đi lệch khỏi chuẩn mực ngôn ngữ vốn có của nó. Giao thoa ngôn ngữ không xuất phát bừa bãi, tùy tiện mà dựa vào các yếu tố tương đương

nào đó đóng vai trò gợi ý tối nghĩa, để dẫn đến hành vi áp đặt những yếu tố của tiếng mẹ đẻ vào ngoại ngữ.

Đối với phạm vi ứng dụng thực hành ngôn ngữ, giao thoa ngôn ngữ là hiện tượng gây ra bởi sự khác nhau và cả giống nhau giữa tiếng mẹ đẻ và ngoại ngữ. Định hướng mục đích nghiên cứu đối chiếu là tìm ra sự giống và khác nhau giữa hai thứ tiếng trên cơ sở việc lập mã, giải mã, truyền mã.

Thứ năm, SSĐC các ngôn ngữ có liên quan đến các quá trình phân tích lỗi và sửa lỗi trong quá trình học ngoại ngữ. Lỗi ngoại ngữ là sự vi phạm các quy tắc của hệ thống ký mã ngoại ngữ làm cho thông tin không được hiểu và chuyển đạt chính xác. Có nhiều nguyên nhân gây ra lỗi; trong đó nguyên nhân trực tiếp là sự ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ đối với ngoại ngữ đang học được thể hiện ở hai khía cạnh: (i) *lỗi thường mắc chỉ ở một học sinh nói tiếng mẹ đẻ nào đó*; (ii) *lỗi thường mắc ở hầu hết các học sinh nói tiếng mẹ đẻ bất kể là ngôn ngữ nào*. Từ đó, có hai loại lỗi: (i) *do ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ đến ngoại ngữ gây ra* và (ii) *lỗi do những nét riêng, đặc thù của ngoại ngữ gây nên*. Việc thu thập và phân tích lỗi học tiếng, dùng tiếng nước ngoài, đặc biệt là trong bối cảnh song ngữ phổ biến (tự nhiên và nhân tạo) là đặc biệt có ích. Ý nghĩa này càng lớn hơn khi việc dạy học và sử dụng ngoại ngữ trở thành một nhu cầu quần chúng rộng rãi. Với quan điểm lỗi là sản phẩm của một mối quan hệ tương phản trong việc chuyển đạt thông tin và cũng cho thấy nguyên nhân của sự biến dạng đó, lỗi học và dùng ngoại ngữ được xem là tài liệu thô rất quý về nhiều mặt mà ta cần thu thập, hệ thống hóa và phân tích hóa nghiên cứu. Thiếu nó, chúng ta không thể có được một cách hiểu đầy đủ

về những tiến bộ xảy ra trong cảm thức ngôn ngữ của người học tiếng. Và như vậy, khối tài liệu về lỗi khi học và sử dụng ngoại ngữ do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ sẽ phục vụ một cách đắc lực cho việc nghiên cứu đối chiếu từ nhiều góc độ khác nhau của nó; và ngược lại nghiên cứu đối chiếu, xét về nhiều mặt, là thực sự có ích cho người học, dạy, cho việc sử dụng ngoại ngữ nói chung. Trong quá trình dạy học, người dạy ngoại ngữ cần phải lường trước những lỗi có thể xảy ra với người học do sự chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ hoặc những hiện tượng ngôn ngữ mới mà người học ngoại ngữ gặp phải không có trong tiếng mẹ đẻ. Người dạy ngoại ngữ tìm ra lỗi, phân tích lỗi và tìm ra cách sửa lỗi sẽ hạn chế hoặc tránh được hiện tượng chuyển di tiêu cực trên.

Ngoài ra, SSĐC các ngôn ngữ còn có quan hệ gián tiếp với Ngôn ngữ học xã hội. Mối quan hệ này được thể hiện ở chỗ: một mặt xác định rằng ở điều kiện xã hội nào thì tiếng mẹ đẻ ít cản trở việc học và nắm ngoại ngữ; và mặt khác, với những tầng lớp xã hội nào thì sự khác biệt giữa các ngôn ngữ tạo thành một cản trở trong việc nắm ngoại ngữ. Và trong thực tế, những nỗ lực nhằm xóa bỏ những rào cản này sẽ giúp cho việc tiếp thu và sử dụng ngoại ngữ được tốt hơn.

4. Kết luận

NNHSSĐC là một trong những ngành học quan trọng của ngôn ngữ học, ở phạm vi nghiên cứu ứng dụng lý thuyết và cả phạm vi nghiên cứu ứng dụng thực hành ngôn ngữ. Nó là cơ sở cho sự hình thành và phát triển của các phân ngành đối chiếu miêu tả, đối chiếu đặc trưng, đối chiếu loại hình, đối chiếu lịch sử, đối chiếu trong giảng dạy ngoại ngữ. Khi mới ra đời, ngành học này chủ yếu phục vụ công việc dạy và học tiếng nước ngoài và khi đó đối chiếu

ngôn ngữ là để tìm ra những sự khác biệt trong ngôn ngữ nhằm giúp việc dạy và học tiếng tốt hơn. Về sau, nghiên cứu đối chiếu cũng dần khẳng định vai trò quan trọng của mình trong việc biên - phiên dịch cũng như phân tích và sửa lỗi ngoại ngữ. Việc đối chiếu tiếng mẹ đẻ với một ngoại ngữ nào đó cho phép giải quyết hàng loạt những vấn đề thuộc lĩnh vực giảng dạy tiếng nước ngoài, chẳng hạn như: giải tỏa những khó khăn ở các bình diện ngôn ngữ mà người học ngoại ngữ thường gặp phải; tập hợp và lựa chọn các tài liệu ngôn ngữ, tài liệu lời nói với những đặc điểm cấu trúc, hoạt động của ngôn ngữ đối chiếu; xác lập một trình tự nhất quán đối với tài liệu học tập ngoại ngữ; xây dựng một hệ thống hữu hiệu các thủ pháp giảng dạy nhằm giải thích tài liệu học tập ngoại ngữ; tạo ra và biên soạn một hệ thống các bài tập hợp lý và một hệ thống các sách giáo khoa ngoại ngữ có chỗ dựa khoa học. Ngày nay, nghiên cứu đối chiếu ngày càng phát triển và không dừng lại ở đó mà vươn đến đáp ứng yêu cầu của các phân ngành khoa học khác thuộc lý luận ngôn ngữ, tìm ra sự khác biệt mà cả sự tương đồng giữa các ngôn ngữ. Cần lưu ý rằng đối với giáo viên, nghiên cứu đối chiếu giúp họ

định hình những phương pháp thích hợp để dạy ngoại ngữ ngày càng hiệu quả hơn, và giúp học sinh học ngoại ngữ tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Văn Chiên, *Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Sư phạm Ngoại Ngữ, Hà Nội, 1992.
- [2] Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2003.
- [3] Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1989, 2004.
- [4] Di Pietro, R. J., *Language Structures in Contrast*, Newbury House Publishers, New York, 1978.
- [5] Lado, R., *Linguistics across Cultures: Applied Linguistics and Language Teachers*, University of Michigan Press, Ann Arbor, 1957.
- [6] Sapir, E., *Encyclopaedia of the Social Sciences*, Macmillan, New York, 1931.
- [7] Whorf, B. L., *Language, Thought, and Reality: Selected Writings of Benjamin Lee Whorf*, ed. in J. B. Carroll (1964), The MIT Press, Cambridge, 1956.
- [8] Weisgerber, J. L., *Das Gesetz der Sprache als Grundlage des Sprachstudiums*, Quelle & Meyer, Heidelberg, 1951.